TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 / 03 / 2024.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân
2. Bà Trần Lệ Nga
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều.

Ngày 07 tháng 03 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 468/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng G, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 365A, Tổ 17, ấp Sóc C, xã Phi Th, TP. Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 365A, Tổ 17, ấp Sóc C, xã Phi Th, TP. Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn Bà Lê Thị Hồng G trình bày:** Tôi và ông Tr chung sống với nhau vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phi Thông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2011.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cụ thể là do ông Tr có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn thương yêu, quý trọng nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vì vậy tôi yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

- Về con chung: Bà G xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Lê Đức Tr, sinh năm 2012 và Trần Lê Gia P, sinh năm 2017. Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Ông Trần Văn Tr:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn Ông Trần Văn Tr vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Hồng G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung". Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn Ông Trần Văn Tr Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn Ông Trần Văn Tr nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phi Thông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà G, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà G và ông Tr không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa Bà G trình bày nguyên nhân là do ông Tr có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn thương yêu, quý trọng nhau, Bà G và ông Tr đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà G và ông Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà G được ly hôn với ông Tr.

Về quan hệ con chung: Bà G xác định có 02 người con chung tên Trần Lê Đức Tr, sinh năm 2012 và Trần Lê Gia P, sinh năm 2017. Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Trọng và cháu Phúc vào ngày 24/11/2023 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Lê Thị Hồng Gấm. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của Bà G là hoàn toàn phù hợp. Bà G không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Ông Trần Văn Tr, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Tr không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông Tr có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông Tr có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Thị Hồng G đối với Ông Trần Văn Tr.

Tuyên bố Bà Lê Thị Hồng G được ly hôn với Ông Trần Văn Tr.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Lê Đức Tr, sinh năm 2012 và Trần Lê Gia P, sinh năm 2017 cho Bà G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Văn Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002567 ngày 16/8/2023 nên ông Gấm không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---ꕥ✪ꕥ---

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---ꕥ✪ꕥ---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 07 tháng 3 năm 2024
Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Lệ Nga** và bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 468/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng G, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số 365A, Tổ 17, ấp Sóc C, xã Phi Th, TP. Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số 365A, Tổ 17, ấp Sóc C, xã Phi Th, TP. Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Thị Hồng G đối với Ông Trần Văn Tr.

Tuyên bố Bà Lê Thị Hồng G được ly hôn với Ông Trần Văn Tr.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Lê Đức Tr, sinh năm 2012 và Trần Lê Gia P, sinh năm 2017 cho Bà G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Văn Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002567 ngày 16/8/2023 nên ông Gấm không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ…….phút ngày 07 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**